

Bản án số: 54/2019/DS-ST
Ngày 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
xây dựng nhà thờ họ tộc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Thành
2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hồng Quân- Kiểm sát viên (vắng mặt).

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST – DS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng nhà thờ họ tộc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX - ST ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phan Thanh T (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã LVL, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

1.2. Ông Ngô Hồng R (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông R:

1.2.1. Ông Ngô Thái H (xin vắng mặt)

1.2.2. Bà Nguyễn Ngọc D (xin vắng mặt)

1.2.3. Bà Hồ Ngọc D (có mặt)

1.2.4. Anh Ngô Hồng X (xin vắng mặt)

1.2.5. Chị Ngô Mộng V (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh TN (tên gọi khác: BM) (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Vào ngày 23/3/2018 ông Phan Thanh T có nhận khoán cho ông Nguyễn Thanh TN một số công việc của nhà thờ Họ tộc của Công ty cổ phần TB.

Tiền công thực hiện công trình theo hợp đồng của ông T là 89.836.000 đồng, ông TN giao trước cho ông T số tiền 39.000.000 đồng, ông TN còn nợ lại ông T số tiền 50.386.000 đồng. Từ khi hoàn thành công trình cho đến nay, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông TN không thanh toán cho ông T khoản nợ này. Tại phiên tòa, ông T xác định các lần nhận tiền như sau: Lần thứ nhất nhận tiền trực tiếp từ ông TN 4.000.000 đồng, lần thứ hai ông T được sự đồng ý của ông TN nhận tiền của công ty TB 15.000.000 đồng, lần thứ ba được sự đồng ý của ông TN nên ông nhận tiền từ công ty TB 20.000.000 đồng. Các lần ông nhận tiền của công ty TB do ông TN trực tiếp gọi điện thoại cho công ty TB để cho tiền cho ông T, trong thời gian thực hiện công trình cho đến khi hoàn thành, không có lần nào ông TN báo với ông T là đã hủy hợp đồng giữa ông TN và công ty TB. Do ông TN không thanh toán nợ cho ông T nên ông T không có tiền thanh toán tiền công cho ông R. Ngày 19/8/2019 ông R chết do bệnh hiểm nghèo. Nay ông T yêu cầu ông TN thanh toán cho ông T, ông R tiền công thuê khoán xây dựng nhà thờ họ tộc 50.836.000 đồng.

Trình bày của bà Hồ Ngọc D (vợ ông R):

Bà D là vợ ông R, ông R chết vào ngày 19/8/2019 (âm lịch). Trước đây, khi còn sống ông R được ông T thuê để xây dựng nhà thờ họ tộc của công ty TB, ông Phan Thành T hợp đồng xây dựng theo thuế khoán của ông Nguyễn Thanh TN. Công trình đã hoàn thành nhưng do ông TN không thanh toán tiền công xây dựng cho ông T nên ông T chưa thanh toán tiền công xây dựng cho ông R. Từ khi nhận cho đến khi kết thúc công trình xây dựng nêu trên, không có lần nào bà nghe ông R nói lại là giữa ông TN và công ty TB hủy hợp đồng thuê khoán với nhau. Tại phiên tòa, bà thống nhất ý kiến của ông T, để cho ông T toàn quyền quyết định đối với việc yêu cầu ông TN thanh toán tiền công xây dựng nhà thờ họ tộc của công ty TB.

Trình bày của ông Nguyễn Thanh TN:

Ngày 22/3/2019 ông TN và ông T có ký kết với nhau hợp đồng giao khoán xây dựng nhà thờ họ tộc của công ty TB thuộc ấp B, xã BB, huyện TB, tỉnh Cà Mau. Nội dung do trước đó ông TN hợp đồng nhận khoán của công ty TB, sau khi

ký hợp đồng, ông TN thuê lại cho các đội xây dựng, ông T là một trong những đội ông thuê khoán lại để xây dựng nhà thờ họ tộc. Sau khi ông và công ty TB ký kết hợp đồng khoảng 20 ngày thì ông chấm dứt hợp đồng với công ty TB quản lý, đo khối lượng và thanh toán tiền. Các đội sau đó đã hoàn thành công việc và nhận tiền từ công ty TB. Việc ông TN chấm dứt hợp đồng với công ty TB có thông báo bằng miệng với các đội thi công, các đội thi công trực tiếp làm và không có ý kiến gì.

Ông TN xác định có sự việc ông T yêu cầu ông đo đạc khối lượng công trình ông T hoàn thành nhưng do ông bận đi tham gia công trình, sau đó ông H và ông K có thẩm định lại. Do ông đã chấm dứt hợp đồng với công ty TB nên ông không chấp nhận yêu cầu của ông T, ông R đặt ra, theo ông khoản nợ này là do công ty TB nợ ông T, ông R chứ không phải nợ của ông. Ông TN xác định từ trước đến nay các đội thi công trực tiếp nhận tiền thanh toán từ công ty TB, ông TN không có nhận tiền gì của công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB vắng mặt có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án:

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Thanh T và ông Nguyễn Thanh TN có ký kết hợp đồng giao khoán xây dựng nhà thờ họ tộc của công ty TB, hợp đồng đã đi vào thực hiện hợp đồng một thời gian. Nên xác định hợp đồng giao khoán xây dựng nhà thờ họ tộc giữa ông Phan Thanh T và ông Nguyễn Thanh TN ngày 22/3/2018 là thực tế có xảy ra và hợp pháp. Do ông T và ông R đã hoàn thành công trình, yêu cầu ông TN thanh toán tiền công nhưng ông TN không thanh toán với lý do đã chấm dứt hợp đồng với công ty TB nên phát sinh tranh chấp giữa ông T, ông R và ông TN.

[2] Theo ý kiến của ông T sau khi nhận khoán phần công việc với ông TN, ông T thuê lại ông R làm. Ông TN là người trực tiếp hợp đồng với công ty TB, sau đó thuê lại tổ của ông T và ông T thuê lại ông R. Ông T, ông R chỉ trực tiếp làm ăn, giao dịch hợp đồng với ông TN chứ không có giao dịch gì với công ty TB. Khi công trình đi vào thực hiện, ông T có nhận tiền trực tiếp từ ông TN 4.000.000 đồng, mặc dù các lần nhận tiền sau đó tức một lần nhận 15.000.000 đồng và một lần nhận 20.000.000 đồng ông T nhận tiền từ công ty TB nhưng được sự đồng ý của ông TN, vì thực tế giữa ông T và công ty TB không trực tiếp giao dịch hợp

đồng với nhau. Công trình hoàn thành, ông có yêu cầu cán bộ xác định khối lượng hoàn thành là ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Anh K. Ông H và ông K là cán bộ của công ty TB, trực tiếp đo đạc khối lượng hoàn thành của các tổ thi công theo hợp đồng của ông TN với công ty TB. Từ khi nhận công trình cho đến khi kết công trình không có lần nào ông TN báo lại với ông T, ông R là đã hủy hợp đồng với công ty TB nên ông T, ông R đã thực hiện công việc với ý chí là thực hiện theo hợp đồng đã ký kết giữa ông T với ông R. Ông TN xác định do đã chấm dứt hợp đồng và bàn giao khối lượng công việc với công ty TB nên ông không có trách nhiệm gì đối với công việc của công ty, khi chấm dứt hợp đồng, ông có thông báo lại cho các tổ thi công biết nên ông không có trách nhiệm thanh toán tiền cho các tổ thi công, do đó ông không chấp nhận yêu cầu của ông T, ông R đặt ra.

Xét lời trình bày của các đương sự và diễn biến sự việc thấy rằng hợp đồng xây dựng nhà thờ họ tộc của công ty TB là thực tế có xảy ra, các đương sự mâu thuẫn với nhau về chủ thể hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán. Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Thanh H xác định vào tháng 8 năm 2017 ông TN có hợp đồng với công ty TB để thực hiện gói thầu xây dựng nhà thờ họ tộc tại ấp B, xã Biển BB, huyện TB, tỉnh Cà Mau, thanh toán theo tiến độ của khối lượng công việc hoàn thành, ông TN là người trực tiếp rút tiền từ công ty TB sau đó chi lại cho các tổ do ông TN thuê khoán lại. Theo ông H biết là sau khi nhận khoán ông TN đã thuê lại tổ của ông T và ông T thuê lại ông R xây dựng công trình. Đối với công trình này, ông H và ông K là người chứng kiến xác nhận khối lượng công việc tổ ông T thuộc gói thầu ông TN đã hoàn thành. Ông H và ông K là cán bộ của công ty TB nhưng hiện tại ông K đã chuyển làm sang công ty khác, ông H không rõ công ty nào. Đến khoảng tháng 4 năm 2018 giữa ông TN và công ty TB chấm dứt hợp đồng với nhau. Ông H xác định do là công ty lớn nên khi xây dựng nhà thờ họ tộc công ty TB chỉ trực tiếp hợp đồng với ông TN là chủ gói thầu trên, từ trước đến nay giữa công ty TB và ông T, ông R không có ký kết hợp đồng gì với nhau. Từ các chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án, xác định thực tế giữa TN và ông T ký hợp đồng với nhau, ông T không có trực tiếp giao dịch với công ty TB, việc chấm dứt hợp đồng với công ty TB, lẽ ra ông TN phải thông báo bằng văn bản cho các tổ thi công biết, ông TN xác định đã báo trước nhưng ông T không thừa nhận, ông TN không có chứng cứ gì để chứng minh cho vấn đề này, do là người có thâm niên trong ngành xây dựng, ông TN có kinh nghiệm trong việc hợp đồng và xử lý hợp đồng xây dựng. Khi giao dịch với ông T có lập hợp đồng nhưng khi tạm dừng thực hiện theo hợp đồng ông TN không thông báo bằng văn bản cho ông T

biết, trong khi hợp đồng giao khoán giữa ông TN và ông T đã ký kết và đi vào thực hiện, ông TN không chứng minh được đã báo trước chấm dứt hợp đồng nên đây là lỗi của ông TN, do ông TN không báo trước nên ý chí của ông T, ông R là thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký với ông TN và nhận tiền công từ ông TN. Khi khối lượng công việc hoàn thành, ông TN phải có nghĩa vụ thanh toán tiền công có ông T, ông R. Số tiền còn nợ lại theo yêu cầu của ông T, ông R phù hợp với bảng đo khối lượng, với lời trình bày của người làm chứng nên yêu cầu của ông T, ông R là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc ông TN có nghĩa vụ thanh toán cho ông T, ông R số tiền 50.836.000 đồng.

Trường hợp ông TN chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T, ông R không phải chịu án phí đối với khoản nợ yêu cầu, ông T đã nộp tạm ứng án phí nên được nhận lại. Ông TN phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 547, Điều 552 Bộ luật dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh T, ông Ngô Hồng R đối với ông Nguyễn Thanh TN về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh TN thanh toán tiền công xây dựng nhà thờ họ tộc.

Buộc ông Nguyễn Thanh TN có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Thanh T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Hồng R số tiền 50.836.000 đồng (*năm mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Trường hợp ông TN chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho ông T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông R thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông TN phải chịu án phí số tiền 2.541.800 đồng (*hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm đồng*) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

Ông T, ông R không phải chịu án phí, ngày 21/01/2019 ông T nộp tạm ứng án phí số tiền 1.271.000 đồng (*một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số 0005908 được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, bà D, ông TN được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H, bà D, anh X, chị V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan Anh